

VẤN ĐỀ QUỐC TẾ HÓA “CHIẾN TRANH ĐÔNG DƯƠNG” - 65 NĂM NHÌN LẠI

038439

TS. ĐÀO ĐỨC THUẬN

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG Hà Nội

Không lâu sau ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (02/9/1945), ngày 23/9/1945, được sự hỗ trợ về quân sự của Anh, thực dân Pháp quay trở lại Đông Dương, vẫn bắt đầu từ Nam Bộ và xuất phát từ Sài Gòn. Lần quay lại này mang màu sắc quân sự và đẫm máu ngay từ đầu “... Lực lượng quân đội và dân sự người Pháp chạy trong hỗn loạn, đánh đập và bắt giữ bất cứ người Việt nào họ gặp trên phố...”. Sự kiện này có phải là điểm khởi đầu cho cuộc “chiến tranh Việt - Pháp” hay còn gọi là “chiến tranh Đông Dương” lần thứ nhất (kéo dài tới năm 1954) hay không đã và đang còn được tranh luận bởi các bên có liên quan trong nhiều năm qua. Nhưng giới nghiên cứu ở Việt Nam xưa nay có lẽ vẫn đồng thuận ở thời điểm chính thức nổ ra cuộc chiến khốc liệt giữa quân đội Việt Minh và quân đội của thực dân Pháp là từ ngày 19/12/1946. Từ năm 1946 đến giữa năm 1950 đã chứng kiến một cuộc chiến giữa một bên là lực lượng thực dân đang tìm cách lấy lại thuộc địa và một bên là một dân tộc đang cố gắng thoát khỏi sự lệ thuộc thực dân. Từ giữa năm 1950 đến khi kết thúc vào giữa năm 1954, “cuộc chiến Đông Dương” đã có phần thay đổi tính chất khi nó đã được “quốc tế hóa” do thay đổi về cục diện an ninh-chính trị khu vực và thế giới. Sáu mươi lăm năm là quãng thời gian đủ dài để giới nghiên cứu nhìn nhận, đánh giá lại vấn đề này khi nhiều nguồn tư liệu lưu trữ mới từ các phía được công khai hóa.

1. Pháp trở lại Đông Dương và sự khởi phát của “chiến tranh Đông Dương”

Khi Thế chiến II gần kết thúc, so sánh tương quan lực lượng và xu thế thời đại, các cường quốc trên thế giới như Hoa Kỳ, Liên Xô... đã thống nhất rằng, chế độ thực dân cần phải chấm dứt; các dân tộc thuộc địa cần có quyền tự do quyết định số phận và tương lai của mình. Tuy nhiên, một điều cần nhấn mạnh là tướng Charles de Gaulle (tướng lãnh đạo lực lượng kháng chiến Pháp hải ngoại, sau này là Tổng thống Pháp) chưa bao giờ muốn từ bỏ tham vọng thực dân của mình mà luôn thể hiện rõ mong muốn là xứ Đông Dương

phải tiếp tục là thuộc địa của nước Pháp. Đối với nhiều người Pháp, tướng Charles de Gaulle là một anh hùng dân tộc, nhưng đối với vấn đề thuộc địa, vị tướng này vẫn bảo thủ về tư tưởng thực dân. Trong suy nghĩ của ông, việc níu lấy các thuộc địa (kiểu cũ), ngay cả khi xu thế thời đại không còn ủng hộ điều đó, vẫn là mong muốn của ông. Ông tin rằng, việc sở hữu các thuộc địa sẽ góp phần quan trọng trong việc duy trì ảnh hưởng và nâng cao vị thế của nước Đại Pháp dưới góc độ chính trị và kinh tế, vốn là hai mục tiêu cực kì có ý nghĩa đối với nước Pháp thời hậu chiến². Trong nhiều năm qua, các nhà Sử học vẫn đi

Công bố - Giới thiệu tài liệu lưu trữ

tìm câu trả lời cho câu hỏi tại sao Pháp phải nỗ lực đến vậy trong việc kiểm soát lại Đông Dương sau Thế chiến II. Nhiều kiến giải khác nhau đã được đưa ra, song phần lớn đều thống nhất với nhận định là: Pháp tin rằng, bằng cách chiếm lại được thuộc địa Đông Dương, uy tín và danh dự của đế quốc Pháp sẽ được cứu vãn³. Một trong những công cụ chủ yếu mà người Pháp sử dụng để đạt được các mục tiêu trên là khôi phục lại kinh tế Pháp. Chúng ta cần nhớ lại rằng, trước Thế chiến II, nước Pháp có nhiều mối quan tâm và đã thu được rất nhiều lợi nhuận kinh tế thông qua việc đầu tư vào các thuộc địa⁴.

Sau sự kiện ngày 23/9/1945, thời điểm nổ ra cuộc xung đột giữa Việt Minh và quân đội Pháp, người dân Việt Nam vùng Sài Gòn - Chợ Lớn cũng như nhiều nơi khác ở miền Nam đã anh dũng đứng dậy chiến đấu chống lại người Pháp. Quân dân miền Nam sau đó đã nhận được sự hỗ trợ mạnh mẽ cả nhân lực và vật lực từ miền Bắc. Trong suốt năm 1946 Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nỗ lực ngoại giao với những người Pháp có trách nhiệm ở Đông Dương, nhưng vẫn không đạt được một thỏa thuận nào. Cuối cùng ngày 20/11/1946, các cuộc xung đột quân sự vẫn nổ ra giữa hai bên ở Hải Phòng và vùng biên giới Việt - Trung ở tỉnh Lạng Sơn.

Cho tới đầu tháng 12/1946, các cuộc đàm phán Việt - Pháp vẫn tiếp tục diễn ra, song không có một thỏa thuận tích cực nào đạt được. Ngày 15/12/1946, Hồ Chủ tịch gửi một bức điện tới Thủ tướng Pháp Leon Blum nhắc lại những gì hai quốc gia đã thống nhất tại các thỏa thuận ngoại giao đã kí kết trước và đề nghị mở rộng quan hệ với Pháp⁵. Lại một lần nữa, những đề nghị thiện chí của

Chủ tịch Hồ Chí Minh không đưa lại kết quả nào. Cuối cùng thì cuộc “Chiến tranh Đông Dương” lần thứ nhất đã chính thức nổ ra vào đêm 19/12/1946 khi Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến. Cuộc kháng chiến chống sự quay lại của Chủ nghĩa thực dân ở Đông Dương bắt đầu.

2. Từ một cuộc chiến thuộc địa đến một cuộc chiến tranh được quốc tế hóa

Có thể chia cuộc “chiến tranh Đông Dương” lần thứ nhất ra làm hai giai đoạn cơ bản: giai đoạn 1 từ năm 1946 đến năm 1949 và giai đoạn 2 từ năm 1950 đến năm 1954. Nếu giai đoạn 1 của cuộc chiến chỉ chứng kiến những trận giao tranh quy mô nhỏ của quân đội Việt Minh và quân đội Pháp thì từ năm 1950, cuộc chiến này đã mang một tính chất khác khi nó đã được quốc tế hóa. Sự quốc tế hóa đó thể hiện ở chỗ, ngoài quân đội Pháp và Việt Minh vẫn là các lực lượng chính trên “chiến trường Đông Dương” thì còn có sự can dự trực tiếp và/hoặc gián tiếp của các cường quốc khác, đó là: Hoa Kỳ, Trung Quốc và Liên Xô. Nguồn gốc của vấn đề này là: hàng loạt các sự kiện xảy ra ở châu Á như sự thành lập của nước CHND Trung Hoa (10/1949) và sự khởi phát của chiến tranh Triều Tiên (6/1950) cùng một số sự kiện khác diễn ra ở châu Âu khiến cho phương Tây lo lắng về sự lan rộng của Chủ nghĩa cộng sản trên toàn cầu. Vị trí địa chính trị đặc biệt của Đông Dương ở khu vực Đông Nam Á trong bối cảnh đó đã thu hút sự quan tâm của phương Tây, đứng đầu là Hoa Kỳ.

Về thái độ của Hoa Kỳ, trong giai đoạn đầu của cuộc chiến, dưới thời Tổng thống Truman, quốc gia này giữ vị trí trung lập. Họ cũng liên tiếp lờ đi các đề nghị của Chủ

Công bố - Giới thiệu tài liệu lưu trữ

tịch Hồ Chí Minh về việc công nhận và thiết lập quan hệ ngoại giao với Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Trong bối cảnh Chiến tranh lạnh nổ ra từ Châu Âu và có ảnh hưởng toàn cầu, người Mỹ lo sợ rằng những bất ổn ở Đông Dương sẽ có tác động tiêu cực tới toàn bộ vùng Viễn Đông, nơi Hoa Kỳ dành nhiều quan tâm và lợi ích chính trị. Bám lấy cơ hội này, người Pháp ra điều kiện với các đồng minh phương Tây là cuộc chiến mà họ đang tiến hành ở Đông Dương chính là một phần thực thi “chính sách ngăn chặn” sự lan rộng Chủ nghĩa cộng sản ở châu Á; đồng minh phương Tây phải có trách nhiệm ủng hộ Pháp cả về quân sự lẫn tài chính. Tuy nhiên, lời đề nghị này không phải được tất cả các nước đồng minh đồng tình. Nước Anh đã từ chối tham gia kế hoạch “hành động phối hợp” (united action) trong việc triển khai quân đội ở Đông Dương. Trong trường hợp này, người Anh hành động như vậy đơn giản vì họ cho rằng phi thuộc địa hóa là quá trình tất yếu. Người Mỹ tuy ủng hộ Pháp ở Đông Dương song vẫn luôn thúc giục người Pháp chấp nhận “giải pháp Bảo Đại”, đó là một trong những điều kiện để Hoa Kỳ viện trợ quân sự cho Pháp trên chiến trường⁶.

Sự hình thành Nhà nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa tháng 10/1949 phần nào đã hướng sự quan tâm của các cường quốc nhiều hơn tới khu vực Châu Á và Đông Nam Á, trong đó có Đông Dương. Ngày 27/01/1950, Đại sứ Hoa Kỳ Philip C. Jessup đã gửi tới Bảo Đại một công hàm, trong đó nêu rõ thái độ ủng hộ của Hoa Kỳ đối với sự chuyển giao quyền lực từ nước Pháp cho Bảo Đại⁷. Công hàm này có thể được coi như

tín hiệu đầu tiên đánh dấu sự can thiệp của Mỹ vào Đông Dương. Thêm vào đó, chiến tranh Triều Tiên nổ ra giữa năm 1950 cùng với sự tham dự của Liên Xô và CHND Trung Hoa vào cuộc chiến này (và cả Đông Dương) đã chứng tỏ sự lớn mạnh của khối cộng sản trên toàn thế giới. Chính điều này đã thu hút sự chú ý đặc biệt của Hoa Kỳ tới những diễn tiến của chiến tranh Đông Dương từ năm 1950 và nhiều năm sau đó⁸.

Sự dính líu của Hoa Kỳ tại Đông Dương ngày càng thể hiện rõ. Chỉ vài tuần sau khi chiến trường Điện Biên Phủ bắt đầu và tình hình quân sự có chiều hướng bất lợi cho Pháp. Ngày 07/4/1954, trong một cuộc họp báo, Tổng thống Eisenhower đã trực tiếp bộc lộ các tham vọng của mình khi nhấn mạnh đến tầm quan trọng của khu vực giàu tài nguyên vonfram, thiếc và cao su này. Ông tin rằng, lý thuyết quân bài domino (domino theory) có thể trở thành sự thật nếu Đông Dương rơi vào tay khối cộng sản, các quốc gia xung quanh cũng có thể rơi vào sự ảnh hưởng của khối này như: Myanmar, Thái Lan, Indonesia... Sau đó, sự lan rộng của Chủ nghĩa cộng sản này sẽ đe dọa Nhật Bản, Đài Loan, Philippin, Úc và NiuZilan với hàng trăm triệu dân của các quốc gia này sẽ bị tách ra khỏi “thế giới tự do”. Xét dưới góc độ kinh tế, nếu Đông Dương rơi vào tay cộng sản, Nhật Bản sẽ bị ảnh hưởng các quyền lợi về thương mại. Điều này rất có thể sẽ dẫn đến việc nước này sẽ hợp tác với các quốc gia cộng sản để duy trì quyền lợi của mình. Đây là vấn đề mà chắc chắn Hoa Kỳ và các đồng minh phương Tây không hề trông đợi.

Viện trợ của Hoa Kỳ cho Pháp ở Đông Dương có thể được hiểu như là sự đánh đổi

Công bố - Giới thiệu tài liệu lưu trữ

trong khuôn khổ của cái gọi là “phân chia trách nhiệm”. Từ giữa năm 1950, Pháp không chỉ được Hoa Kỳ xem như tiền đồn của mình ở Đông Dương trong sự nghiệp ngăn chặn sự lan rộng của Chủ nghĩa cộng sản mà còn ở cả châu Âu bởi vì phần lớn lực lượng quân sự của Hoa Kỳ đang sa lầy ở chiến trường Triều Tiên. Chính vì vậy, Hoa Kỳ đã phải yêu cầu Tây Đức và Pháp thể hiện vai trò quân sự mạnh hơn nữa trong việc đảm bảo an ninh khu vực châu Âu vốn đang bị đe dọa bởi Liên Xô từ phía Đông. Tuy nhiên, chính nước Pháp cũng đang kiệt quệ cả về quân sự lẫn kinh tế sau Thế chiến II. Sức ép về đóng góp quân sự của Pháp cho an ninh ở châu Âu càng trở nên lớn hơn khi phần lớn lực lượng của Pháp đang đóng quân và cũng sa lầy ở chiến trường Đông Dương. Cuộc chiến càng kéo dài, mất mát của Pháp càng lớn, uy tín của Pháp càng bị ảnh hưởng tiêu cực do dư luận nhân dân Pháp đã quá chán ngán chiến tranh. Cuộc chiến ở Đông Dương kèm theo các vấn đề rắc rối của nội bộ Pháp đã khiến cho sân khấu chính trị của nước này luôn không ổn định. Từ năm 1950 đến khi kết thúc Chiến dịch Điện Biên Phủ, đã có 9 Chính phủ được thành lập và giải tán. Chính phủ ngắn nhất chỉ tồn tại được 10 ngày (Chính phủ của Henri Queuille tồn tại từ ngày 02/7/1950 đến 12/7/1950) và Chính phủ tồn tại dài nhất cũng chỉ là gần 01 năm (Chính phủ của Joseph Laniel, từ 27/6/1953 đến 16/6/1954).

Sau khi được công nhận về ngoại giao và thiết lập quan hệ với nhiều nước thuộc phe Xã hội chủ nghĩa từ đầu năm 1950, uy tín của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã được nâng lên rõ rệt. Các nước lớn như

Liên Xô, Trung Quốc bắt đầu viện trợ cho cuộc kháng chiến chính nghĩa chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam. Tuy nhiên, ở đây cũng cần nhắc thêm rằng, vào đầu năm 1947, các đại diện của Pháp ở Đông Dương và cựu hoàng Bảo Đại đã bàn đến khả năng thành lập một chính quyền không cộng sản, một chính quyền mà họ hy vọng sẽ tập hợp được tất cả các lực lượng tôn giáo, các đảng phái quốc gia và phi cộng sản vào một mặt trận thống nhất. Hiệp ước Élysée được kí kết giữa Tổng thống Pháp Vincent Auriol và Bảo Đại tháng 01/1949 đã tạo cơ sở quan trọng cho việc thành lập nhà nước gọi là Quốc gia Việt Nam (State of Vietnam). Quốc gia Việt Nam sẽ là một bộ phận của khối Liên hiệp Pháp và sẽ do Bảo Đại lãnh đạo. Trên thực tế, Quốc gia Việt Nam được Pháp sử dụng như một quân bài để đối chọi lại với chính quyền do Việt Minh lãnh đạo và thực chất là để đáp ứng đòi hỏi của Hoa Kỳ trong việc phải chuyển giao quyền lực từ người Pháp cho người Việt Nam để đổi lấy viện trợ. Từ năm 1950 đến 1953, chính quyền này cũng đã được Hoa Kỳ và trên 30 quốc gia đồng minh phương Tây công nhận⁹.

3. Thay lời kết

Bối cảnh an ninh và chính trị quốc tế cuối những năm 1940, đầu những năm 1950 đã có nhiều diễn biến phức tạp như sự hình thành chiến tranh lạnh, sự thành lập Nhà nước CHND Trung Hoa, chiến tranh Triều Tiên nổ ra,... đã đặt cuộc kháng chiến chống thực dân của các dân tộc ở Đông Dương mà Việt Nam là chiến trường chính vào một vị trí đặc biệt trong lịch sử quân sự Việt - Pháp. Bằng ý chí mạnh mẽ và sự giúp đỡ có hiệu quả của những người bạn lớn, nhân dân Việt

Công bố - Giới thiệu tài liệu lưu trữ

Nam đã giành được thắng lợi cuối cùng năm 1954, kết thúc 9 năm kháng chiến chống lại thực dân Pháp đầy gian khổ. Nhìn lại hơn nửa thế kỷ đã trôi qua, dân tộc Việt Nam đã trải qua nhiều gian khổ và mất mát trong sự nghiệp bảo vệ và xây dựng Tổ quốc. Sau chiến tranh lạnh, quan hệ quốc tế đã có nhiều thay đổi, song những bài học kinh nghiệm quý báu trong việc đánh giá đúng bối cảnh lịch sử, khôn khéo trong quan hệ đối ngoại, phát huy tối đa nội lực của dân tộc vẫn luôn cần được tham khảo và vận dụng trong mọi tình huống. Các nghiên cứu về lịch sử Việt Nam nói chung, lịch sử chiến tranh Việt Nam trong thế kỷ XX nói riêng sẽ còn được tiếp tục làm sáng tỏ khi thêm nhiều nguồn tư liệu từ các bên liên quan được công bố ■

Chú thích :

1. Mark Philip Bradley. *Vietnam at war*. Oxford University Press, 2009, pp.44-45.

2. Xem thêm: Wolfram F. Hanrieder and Graem P. Ashton. *The Foreign Policies of West Germany, France and Britain*. Prentice Hall Inc, Englewood Cliffs, New Jersey, 1980, p.137. Sau này, khi sáng lập nền Cộng hòa thứ Năm và làm Tổng thống Pháp (lần thứ hai) từ năm 1958 đến 1969, tư tưởng của Charles de Gaulle về vấn đề thuộc địa đã có sự thay đổi mạnh mẽ.

3. Tư tưởng này của giới cầm quyền Pháp, trực tiếp là Charles de Gaulle có thể lý giải là ông đã suy nghĩ và hành động theo lối suy nghĩ thực dân vốn có từ hàng trăm năm, đại diện là Jules Ferry – cựu Thủ tướng Pháp (1880-1881 và 1883-1885). Năm 1884, Jules Ferry đã có bài phát biểu nổi tiếng trước Nghị viện về chính sách thuộc địa của Pháp. Xem thêm: www.fordham.edu/halsall/mod/1884ferry.asp (cập nhật 12/6/2015).

4. Xem thêm: Robin W. Winks and John E. Talbott. *Europe 1945 to the present*. Oxford University Press, 2005, p. 29. Lý do sâu xa dẫn tới việc người Pháp xâm chiếm Đông

Dương là do những nhà thám hiểm và thực dân Pháp cho rằng, Việt Nam là “sân sau” của Trung Quốc, dòng Mekong và sông Hồng sẽ dễ dàng đưa họ tới Văn Nam, một tỉnh phía Nam của Trung Quốc, nơi mà từ đó người Pháp tin rằng có thể mở rộng quan hệ thương mại với Trung Quốc.

5. Hiệp định Sơ bộ ngày 06/3/1946 và Tạm ước ngày 01/9/1946

6. Về “giải pháp Bảo Đại”, có thể xem thêm: Ngô Chơn Tuệ, Phan Văn Hoàng. *Giải pháp Bảo Đại của Pháp trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam 1945-1954*. Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, số 46.2013, tr.40-50.

7. Xem thêm: http://avalon.law.yale.edu/20th_century/inch007.asp (cập nhật 15/6/2015).

8. Liên quan đến thái độ và toan tính của các nước lớn tại Hội nghị Geneva về Đông Dương năm 1954, nhiều tài liệu lưu trữ dạng tối mật và tuyệt mật của Liên Xô và Trung Quốc trong thời kỳ chiến tranh lạnh lần đầu tiên được bạch hóa trong những năm gần đây theo các dự án của Trung tâm Wilson. Xem chi tiết tại: http://www.wilsoncenter.org/sites/default/files/CWIHP_Bulletin_16.pdf (cập nhật 15.6.2015). Đây là nguồn tài liệu lưu trữ được công bố online rất có giá trị phục vụ cho nghiên cứu lịch sử chiến tranh lạnh.

9. *Trung tâm lưu trữ quốc gia III, Phòng Phủ Thủ tướng, hồ sơ 1773*. Về sự can dự của Hoa Kỳ vào Đông Dương, cần lưu ý thêm rằng: tại Washington, nhiều tranh luận này lựa đã diễn ra xung quanh câu hỏi liệu Hoa Kỳ có nên can dự trực tiếp vào Điện Biên Phủ hay không. Sau cùng, Tổng thống Eisenhower đã đưa ra câu trả lời “không” cho vấn đề này một phần vì nước Anh, một trong những đồng minh quan trọng của Hoa Kỳ không ủng hộ sự can dự trực tiếp về quân sự. Tuy nhiên, Hoa Kỳ cũng miễn cưỡng ủng hộ Pháp bằng cách gửi tới nhiều máy bay quân sự (không kèm theo phi công) và đạn dược. Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ cũng khuyến cáo Tổng thống không can dự trực tiếp lúc này mà cần chuẩn bị cho sự thay thế chân Pháp ở Đông Dương trong tương lai. Xem thêm: Pentagon Papers, Gravel Edition. *U.S. Involvement in the Franco-Vietnam War*, vol. 1, chapter 4: *The U.S. and France in Indochina 1950-1954*. Boston: Beacon Press, 1971, pp.179-214.